TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2019/HNGĐ - ST Ngày: 20-6-2019 V/v: "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1989

Bị đơn: Anh Võ Tuấn T, sinh năm 1985
Cùng địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị và anh Võ Tuấn T xây dựng gia đình với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 12 tháng 11 năm 2009. Việc kết hôn do chị và anh T đều tự nguyện. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Tuấn T. Nguyên nhân chị H yêu

cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không tôn trọng nhau, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung là cháu Võ Trần Hải D, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Võ Hoàng Thiên L, sinh ngày 07/8/2013. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Tuấn T vắng mặt, không đến Tòa cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà, xử cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là cháu D và Long cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Tuấn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Võ Tuấn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Võ Tuấn T xây dựng gia đình với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 12/11/2009, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. chị H xin ly hôn với anh T với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng và tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P thì địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị H và anh T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh T vẫn không đến Tòa mà không có lý do. Qua ý kiến của chị H thể hiện chị H và anh T không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà, xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: chị H và anh T có 02 người con chung là cháu Võ Trần Hải D, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Võ Hoàng Thiên L, sinh ngày 07/8/2013. chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. anh T không có yêu cầu gì về nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu D và cháu L cho chị H nuôi dưỡng. chị H nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của chị Trần Thị Thu H đối với anh Võ Tuấn T.

Xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Võ Tuấn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Võ Trần Hải D, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Võ Hoàng Thiên L, sinh ngày 07/8/2013 cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Tuấn T được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000333 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. chị H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm